

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25 -6-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Giữa chị Và Thị D và anh Sùng A L

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vừ A Câu

2. Ông Tòng Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Và Thị D (tên gọi khác: Vàng Thị D) - sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản C, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Sùng A L- Sinh ngày: 1979. Địa chỉ: Bản C, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (*Hiện đang chấp hành tại đội 38 phân trại số 1, trại giam N, Công an*). Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Lầu Trung D - sinh năm 1978. Trú tại tổ 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2018, biên bản lấy lời khai các ngày 17/5/2018; 26/5/2018 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Và Thị D trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Sùng A L trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Giấy chứng nhận kết hôn số 37

ngày 05/11/2009. Sau khi kết hôn, hai người về chung sống có hạnh phúc, tuy nhiên sau đó anh L nghiện ma túy, rồi đi mua bán trái phép chất ma túy đến năm 2016, anh Sùng A L bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Từ đó đến nay, chị thiếu thốn tình cảm; gia đình họ hàng không ai quan tâm giúp đỡ nên cuộc sống của chị rất khó khăn, chị cần có người quan tâm giúp đỡ nên có tình cảm với người khác; chị không thể đợi chờ anh L ra tù. Cho nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng A L.

2. Về con chung: Chị D khai, chị và anh D có 03 con chung là: cháu Sùng Thị S, sinh năm 2000; cháu Sùng A D, sinh ngày 18/03/2004 và cháu Sùng A T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2008. Hiện nay, hai cháu Sùng A D và Sùng A T đang sống cùng với chị D tại bản C, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của chị D được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh Sùng A L cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với cháu Sùng Thị S đã trưởng thành, lấy chồng và tách khẩu khỏi gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sùng A L đang chấp hành án tại trại giam N nên Tòa án nhân dân huyện Đ ủy thác cho Tòa án huyện B lấy lời khai và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh L. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai đề ngày 18/5/2018, biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018 tại trại giam Nà Tấu, bị đơn Sùng A L trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh L cũng khai nhận anh và chị D đăng ký kết hôn từ năm 2009 tại UBND xã X, hôn nhân tự nguyện. Nay chị D xin ly hôn anh không đồng ý vì cho rằng trước khi anh đi tù hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh vẫn thương vợ con.

2. Về con chung: Anh L khai thống nhất với lời khai của chị D và nếu ly hôn anh nhất trí để chị D nuôi các con, không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù không thể nuôi và cấp dưỡng cho con được.

3. Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền và lợi ích được bảo vệ: Cháu Sùng A D và Sùng A T, có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2018 các cháu khai muốn ở với bố là do phong tục tập quán của người Mông khi bố mẹ ly hôn thì con trai phải theo bố, các cháu đang ở với mẹ và cũng có nguyện vọng được mẹ nuôi khi bố mẹ ly hôn.

** Kiểm sát viên tham dự phiên tòa có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V và Thị D cho được ly hôn với anh Sùng A L; giao các con cho

chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; Chị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Và Thị D làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho được ly hôn và nuôi con chung cho nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giải quyết là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Bị đơn Sùng A L có đơn xin vắng mặt vì lý do đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 38, phân trại I, trại giam N. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Sùng A L.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Và Thị D: Hội đồng xét xử xét thấy chị D và anh L kết hôn tuân theo các điều kiện kết hôn và đăng ký theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, có giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 05/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã X. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Và Thị D và anh Sùng A L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay chị D làm đơn xin ly hôn với anh L, Hội đồng xét xử xét tình trạng hôn nhân của các đương sự thấy rằng:

Chị D khai trước khi đi tù anh L là người nghiện ma túy, nay phải chấp hành án phạt tù 15 năm, một mình chị D nuôi các con nhỏ vất vả và thiếu thốn tình cảm nên chị có tình cảm với người khác, không còn yêu anh L nữa. Do đó chị D xin được ly hôn. Còn về phía anh L khai hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do anh L vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử tù nên chị D mới bỏ anh.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của các đương sự có mâu thuẫn. Chị D đã thay đổi tình cảm, không còn yêu thương và chờ đợi chồng ra tù thể hiện bằng đơn xin ly hôn. Hơn nữa việc anh D đi tù trong thời gian dài (15 năm) đã không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của một người chồng, dẫn đến tình cảm của chị D thay đổi. Hội đồng nhận thấy khi tình cảm vợ chồng thay đổi thì cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D cho được ly hôn với anh L theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Các đương sự có 03 con chung là: cháu Sùng Thị S, sinh năm 2000; cháu Sùng A D, sinh ngày 18/03/2004; cháu Sùng A T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2008.

Đối với cháu Sùng Thị S, sinh năm 2000, theo sổ hộ khẩu của gia đình và lời khai của các đương sự chứng tỏ cháu S đã trưởng thành và lập gia đình. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Đối với hai cháu Sùng A D và Sùng A T. Mặc dù, các cháu có đơn thể hiện nguyện vọng ở với bố. Tuy nhiên, trong biên bản lấy lời khai của các cháu ngày 26/5/2018 thể hiện mong muốn ở với bố xuất phát từ phong tục, tập quán con trai phải theo bố khi bố mẹ ly hôn; Nhưng xét thực tế hiện nay, anh L đang chấp hành hình phạt tù nên không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ chăm sóc các con; các cháu còn nhỏ cần người chăm sóc và đang sống cùng với mẹ; nguyện vọng của các đương sự là giao các con cho chị D chăm sóc. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, cũng như phù hợp với nguyện vọng của các đương sự cần chấp nhận giao các con cho chị Và Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không buộc anh Sùng A L phải cấp dưỡng nuôi con theo các Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quyền nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 khi có yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng của vợ chồng*: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Hội đồng xét xử xét thấy chị Và Thị D là người dân tộc Mông đang cư trú tại xã X, huyện Đ nơi có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình chị thuộc hộ nghèo theo giấy chứng nhận hộ nghèo số 217/GCN-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ. Vì vậy, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 cần xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Và Thị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho chị Và Thị D (tên gọi khác: Vàng Thị D) được ly hôn với anh Sùng A L.

2. Về con chung: Giao các cháu Sùng A D, sinh ngày 18/03/2004; Sùng A T, sinh ngày 05/6/2008 cho chị Và Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Sùng A L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Và Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Và Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2018). Anh Sùng A L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga

